

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

**NHIỆT MIỆNG NHẬT NHẬT**

Đề xa tâm tay trẻ em - Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Nếu cần biết thêm thông tin xin hỏi ý kiến của thầy thuốc.

1. **Dạng bào chế:** Viên nén bao phim
2. **Thành phần cho một đơn vị đóng gói nhỏ nhất:**

TT	Thành phần	Khối lượng
1.	Thạch cao ( <i>Gypsum fibrosum</i> )	255,0mg (Hai trăm năm mươi lăm miligam)
<b>Nguyên liệu: Khoảng 430mg cao khô tương đương với:</b>		
2.	Hoàng liên ( <i>Rhizoma Coptidis</i> )	255,0mg (Hai trăm năm mươi lăm miligam)
3.	Cam thảo ( <i>Radix Glycyrrhizae</i> )	255,0mg (Hai trăm năm mươi lăm miligam)
4.	Tri mẫu ( <i>Rhizoma Anemarrhenae</i> )	255,0mg (Hai trăm năm mươi lăm miligam)
5.	Huyền sâm ( <i>Radix Scrophulariae</i> )	255,0mg (Hai trăm năm mươi lăm miligam)
6.	Sinh địa ( <i>Radix Rehmanniae glutinosae</i> )	255,0mg (Hai trăm năm mươi lăm miligam)
7.	Mẫu đơn bì ( <i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i> )	255,0mg (Hai trăm năm mươi lăm miligam)
8.	Qua lâu nhân ( <i>Semen Trichosanthis</i> )	255,0mg (Hai trăm năm mươi lăm miligam)
9.	Liên kiều ( <i>Fructus Forsythiae suspensae</i> )	255,0mg (Hai trăm năm mươi lăm miligam)
10.	Hoàng bá ( <i>Cortex Phellodendri</i> )	645,0mg (Sáu trăm bốn mươi lăm miligam)
11.	Hoàng cầm ( <i>Radix Scutellariae</i> )	645,0mg (Sáu trăm bốn mươi lăm miligam)
12.	Bạch thược ( <i>Radix Paeoniae Lactiflorae</i> )	255,0mg (Hai trăm năm mươi lăm miligam)
<b>Tá dược:</b>		
	Tinh bột sắn; Manitol; Aerosil; Povidon K30; Magnesi stearate; Iron Oxide Brown; Titan dioxide; Hydroxypropylmethyl cellulose 15cps; Polyethylenglycol 6000; Talc; Acid benzoic	Vd 1 viên

**3. Tác dụng – chỉ định:**

\***Tác dụng:** Thanh nhiệt, giải độc, chống viêm, tiêu sưng.

\***Chỉ định:** Điều trị các trường hợp viêm loét miệng lưỡi (nhiệt miệng), miệng môi sưng đau, đau nhức răng, chảy máu chân răng, sưng lợi, hôi miệng.

**4. Chống chỉ định:**



- Phụ nữ có thai, các trường hợp bệnh thể hàn.

**5. Tác dụng không mong muốn:** Chưa có báo cáo. *Thông báo cho bác sỹ tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*

**6. Liều dùng – Cách dùng:**

Người lớn: uống 2 viên x 2 lần.

- Trẻ em dưới 12 tuổi: uống 2-3 lần x 1 viên.

**7. Kiêng cử ăn uống khi dùng thuốc:**

Chưa có báo cáo.

**8. Sử dụng cho phụ nữ có thai hoặc cho con bú:** Không sử dụng cho phụ nữ có thai.

**9. Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc:** Thuốc thường không gây ảnh hưởng.

**10. Tương tác với các thuốc khác và các dạng tương tác khác:** Chưa có báo cáo

**11. Quá liều và xử trí:** Khi dùng thuốc quá liều có thể gặp một số tác dụng phụ. Sử dụng đúng liều các tác dụng phụ sẽ hết.

**12. Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**13. Bảo quản:** Nơi khô, dưới 30°C.

**14. Tiêu chuẩn chất lượng:** Đạt TCCS.

**15. Trình bày:**

10 viên/vi :

- + Hộp 2 vi x10 viên và 01 tờ hướng dẫn sử dụng.
- + Hộp 3 vi x10 viên và 01 tờ hướng dẫn sử dụng.
- + Hộp 12 vi x 10 viên và 01 tờ hướng dẫn sử dụng.
- + Hộp 1 lọ x 30 viên và 01 tờ hướng dẫn sử dụng.
- + Hộp 1 lọ x 60 viên và 01 tờ hướng dẫn sử dụng.
- + Hộp 1 lọ x 100 viên và 01 tờ hướng dẫn sử dụng.

**Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT NHẤT**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Điện thoại: (072) 3.817.117 - (072) 3.817.227 Fax: (072) 3.817.337

"Tổng đài giải đáp thông tin miễn phí 1800.6689 (trong giờ hành chính)"



Long An, ngày tháng năm 2015

Giám đốc

